

Đam Rông, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công H; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

** Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng ông Phan Thanh H – bà Lý Thị N

Địa chỉ: 87/56/23 Đoàn Văn B, Phường 1, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lý Thị N ủy quyền cho ông H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về phân chia tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T toàn quyền sở hữu 01 lô đất và 01 căn nhà cấp 4 trên đất, tọa lạc tại Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Tùng có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Công H giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất, số tiền: 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Về trách nhiệm trả nợ chung: Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Thanh H – bà Lý Thị N số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu

đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”

- Về án phí: Ông Nguyễn Công H phải nộp 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) án phí của vụ án nhưng được trừ vào số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0010243 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Ông H còn phải nộp thêm 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) đối với trách nhiệm trả nợ chung.

Hoàn trả cho ông Phan Thanh H số tiền 1.462.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0010252 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA h. Đam Rông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Hồng Chiến

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).